

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2963 /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 285/QĐ-BGTVT ngày 23/2/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và thay thế trong lĩnh vực Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-BGTVT ngày 23/2/2021 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2812/TTr-SGTVT ngày 01/10/2021 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính ban hành mới; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải (có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC - VP Chính phủ;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu VT, KSTTHC_(2b).



CHỦ TỊCH

Võ Văn Hưng

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH QUẢNG TRỊ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

A. Danh mục thủ tục hành chính ban hành mới: 12 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (- Căn cứ pháp lý của thủ tục; - Căn cứ QĐ của Bộ....)
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa					
1	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa 1.009444.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng luồng đường thủy nội địa 1.009442.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3	Công bố mở luồng chuyên dùng nối với luồng quốc gia, luồng chuyên dùng nối với luồng địa phương 1.009459.000.00.00.H50	10 ngày làm việc (Số GTVT: 05 ngày, - UBND tỉnh: 05 ngày)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

4	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng 1.009460.000.00.00.H50	20 ngày làm việc (Số GTVT: 10 ngày làm việc; UBND tỉnh: 10 ngày làm việc)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
5	Thông báo luồng đường thủy nội địa chuyên dùng 1.009461.000.00.00.H50	3 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
6	Đổi tên cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu 1.009443.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
7	Thỏa thuận nâng cấp bến thủy nội địa thành cảng thủy nội địa 1.009445.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
8	Thiết lập khu neo đậu 1.009448.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

9	Công bố hoạt động khu neo đậu 1.009449.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa.
10	Công bố đóng khu neo đậu 1.009450.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
11	Thỏa thuận thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa đối với công trình xây dựng, hoạt động trên đường thủy nội địa 1.009451.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
II Lĩnh vực Đăng kiểm						
12	Thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo 1.001001.000.00.00.H50	Không quá 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	50.000 đồng/ Giấy chứng nhận.	-Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. -Thông tư số 102/2008/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy móc, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

B. Danh mục thủ tục hành chính thay thế: 11 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (- Căn cứ pháp lý của thủ tục; - Căn cứ QĐ của Bộ...)
I	Lĩnh vực Đường thủy nội địa						
1	Chấp thuận chủ trương xây dựng cảng thủy nội địa 1.004252.000.00.00.H50	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa 1.009462.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
2	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa 1.004248.000.00.00.H50	Công bố hoạt động cảng thủy nội địa 1.004248.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
3	Công bố lại cảng thủy nội địa 1.004242.000.00.00.H50	Công bố lại hoạt động cảng thủy nội địa 1.004242.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường
4	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đối với thi công công trình liên quan đến giao thông đường thủy nội địa địa phương	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông 1.009465.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

	1.001608.000.00.00.H50						
5	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa 1.003658.000.00.00.H50	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa 1.003658.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa - Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường
6	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa 1.003788.000.00.00.H50	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa 1.009452.000.00.00.H50	10 ngày làm việc (5ngày tại Sở, 5 ngày tại Chi cục đường thủy nội địa)	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
7		Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình 1.009453.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
8	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa 1.003675.000.00.00.H50	Công bố hoạt động bến thủy nội địa 1.009454.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

				công tỉnh	hoặc bưu điện		
9		Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính 1.009455.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện	100.000 đồng/lần	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
10	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình trên tuyến đường thủy nội địa địa phương; đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương 1.001531.000.00.00.H50	Thỏa thuận về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa 1.009463.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa
	Cho ý kiến trong giai đoạn lập dự án đầu tư xây dựng công trình bảo đảm an ninh, quốc phòng trên đường thủy nội địa địa phương. 1.001542.000.00.00.H50						
11	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương đối với trường hợp bảo đảm an ninh, quốc phòng 1.001551.000.00.00.H50	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa 1.009464.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	Không có	- Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/1/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa

Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa trên đường thủy nội địa địa phương, đường thủy chuyên dùng nội đường thủy nội địa địa phương 1.001582.000.00.00.H50						
--	--	--	--	--	--	--

C. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung: 06 thủ tục

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý (- Căn cứ pháp lý của thủ tục; - Căn cứ QĐ của Bộ....)
I	Lĩnh vực Đường bộ					
1	Cấp giấy phép lái xe quốc tế 2.001002.000.00.00.H50	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tình.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	135.000 đồng/lần	- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ; - Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số

						<p>29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
2	Cấp lại giấy phép lái xe quốc tế 1.002300.000.00.00.H50	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tình.	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.	135.000 đồng/lần	<p>- Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và</p>

						<p>Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
3	<p>Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp 1.002809.000.00.00.H50</p>	<p>05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đơn đề nghị gia hạn;</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tình.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.</p>	<p>135.000 đồng/lần</p>	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số</p>

						<p>29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
4	<p>Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp 1.002804.000.00.00.H50</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tình.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.</p>	<p>135.000 đồng/lần</p>	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới</p>

						<p>đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
5	<p>Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp</p> <p>1.002801.000.00.00.H50</p>	<p>Không quá 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tình</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc bưu điện.</p>	<p>135.000 đồng/lần</p>	<p>- Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 38/2019/TT-BGTVT ngày 08 tháng 10 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số</p>

						<p>12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 06 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế và Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
II	Lĩnh vực Đường thủy nội địa					
1	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Không quá 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo	Trung tâm Phục vụ hành chính	Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua cổng dịch vụ công trực tuyến	70.000 đồng/1 phương	- Luật Giao thông Đường thủy nội địa năm 2004; và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014.

	1.004088.000.00.00.H50	quy định	công tỉnh	hoặc bưu điện.	tiện	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ GTVT quy định về đăng ký phương tiện thủy nội địa. - Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.
--	------------------------	----------	-----------	----------------	------	---

Tổng cộng: 29 thủ tục